

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn: NGỮ VĂN 10

(Thời gian làm bài: 90 phút)

Phần I. Đọc hiểu (6,0 điểm)

Đọc văn bản và thực hiện yêu cầu:

TỰ TÌNH (Bài III)

Chiếc bách buồn vì phận nổi nênh,
Giữa dòng ngao ngán nổi lênh đên.
Lưng khoang tình nghĩa đường lai lán,
Nửa mạn phong ba luống bập bênh.
Cầm lái mặc ai lăm đổ bến,
Dong lèo thây kẻ rắp xuôi ghềnh.
Ấy ai thăm ván cam lòng vậy,
Ngán nổi ôm đàn những tập tênh.

(Thơ Hồ Xuân Hương, NXB Văn học, Hà Nội, 1982)

Chú thích:

- Chiếc bách: chiếc thuyền gỗ bách gợi tâm trạng người chinh phụ góa chồng
- Thăm ván: chỉ việc hỏi vợ-> chỉ việc hỏi vợ, lấy vợ mới
- Ôm đàn: chỉ việc lấy chồng-> ý nói không chịu lấy chồng khác

Chọn phương án trả lời đúng cho các câu hỏi từ 1 đến 7

Câu 1. Bài thơ Tự tình III được viết theo thể thơ nào:

- A. Thất ngôn tứ tuyệt
- B. Thất ngôn bát cú Đường luật
- C. Thơ tự do
- D. Thất ngôn trường thiên

Câu 2. Phương thức biểu đạt chính của văn bản là:

- A. Nghị luận
- B. Tự sự
- C. Miêu tả
- D. Biểu cảm

Câu 3. Bài thơ được gieo vần gì?

- A. Vần lưng
- B. Vần chân
- C. Vần liền
- D. Vần cách

Câu 4. Nhân vật trữ tình trong bài thơ là ai, xuất hiện như thế nào?

- A. Là tác giả, xuất hiện trực tiếp qua đại từ “Ta”
- B. Là tác giả, xuất hiện trực tiếp qua đại từ “Tôi”
- C. Là tác giả, xuất hiện trực tiếp xưng tên riêng
- D. Là tác giả, xuất hiện gián tiếp

Câu 5. Phép đối có ở những cặp câu thơ nào?

- A. Câu 1-2, câu 3-4
- B. Câu 3-4, câu 5-6
- C. Câu 5-6, câu 7-8
- D. Câu 1-2, câu 7-8

Câu 6. Nhận định nào không đúng về nhân vật trữ tình trong bài thơ?

- A. Buồn chán, phẫn uất trước những ngang trái cuộc đời
- B. Gắng gượng vươn lên nhưng vẫn phải chấp nhận cam chịu.
- C. Thường tìm đến chiếc thuyền để quên đi nỗi buồn
- D. Khát vọng sống, khát vọng hạnh phúc

Câu 7. Cảm hứng chủ đạo của bài thơ là gì?

- A. Vừa đau buồn, vừa phẫn uất trước duyên phận
- B. Vừa đau buồn, vừa bi quan trước duyên phận
- C. Vừa ngao ngán, vừa tuyệt vọng trước duyên phận

D. Vừa lo lắng, vừa hi vọng về duyên phận

Trả lời các câu hỏi:

Câu 8: Xác định các từ láy được sử dụng trong bài thơ và nêu tác dụng của chúng.

Câu 9: Hình ảnh thơ nào để lại cho anh/chị nhiều ấn tượng nhất? Hãy viết đoạn văn khoảng 5-7 dòng nêu ấn tượng về hình ảnh đó.

Câu 10: Anh/ chị sẽ nói gì để thể hiện sự đồng cảm, sẻ chia với Hồ Xuân Hương qua bài thơ trên?

II. VIẾT (4.0 điểm)

Anh/ chị hãy viết một bài văn nghị luận bàn về giải pháp khi phải đối mặt với khó khăn thử thách trong cuộc sống?

-----**Hết**-----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm!

Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com

<https://www.vnteach.com>

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM
Môn: Ngữ văn lớp 10

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	B	0,5
	2	D	0,5
	3	B	0,5
	4	D	0,5
	5	B	0,5
	6	C	0,5
	7	A	0,5
	8	- Các từ láy được sử dụng trong bài thơ: <i>nỗi nênh, ngao ngán, lênh đênh, lai láng, bấp bênh, tấp tênh</i> - Tác dụng: + <i>lai láng</i>: nhấn mạnh tình cảm dào dạt, tràn đầy trong lòng nữ sĩ + <i>nỗi nênh, ngao ngán, lênh đênh, bấp bênh, tấp tênh</i>: nhấn mạnh thân phận trôi nổi, bấp bênh và tâm trạng ngao ngán, chán chường của người phụ nữ trước nghịch cảnh trở trêu. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm - Học sinh trả lời đủ các từ láy: 0,5 điểm - Học sinh trả lời thiếu một số từ láy: 0,25 điểm - Học sinh trả lời đủ tác dụng : 0,5 điểm - Học sinh trả lời thiếu một tác dụng: 0,25 điểm - Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm	1,0
	9	- HS tự chọn hình ảnh phân tích nhưng đoạn văn phải đảm bảo hình thức, nội dung, đặc biệt phải phân tích ý nghĩa hình ảnh một cách thuyết phục.	1,0
	10	HS thể hiện sự đồng cảm, sẻ chia với Hồ Xuân Hương qua bài thơ trên. Nội dung câu trả lời phải gắn với tâm trạng của nhân vật trữ tình trong bài thơ; chân thành và tự nhiên.	0,5
II		VIẾT	4,0
		a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Giải pháp khi phải đối mặt với khó khăn thử thách? Hướng dẫn chấm: - Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,25 điểm. - Học sinh xác định chưa đúng vấn đề cần nghị luận: 0,0 điểm.	0,25
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm	2,5

		Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Dưới đây là một vài gợi ý cần hướng tới:	
		+ Can đảm + Suy xét tìm ra vấn đề + Chấp nhận những thách thức trong cuộc sống + Suy nghĩ tích cực + Dám thay đổi + Cố gắng vươn lên + Kiên trì đến giây phút cuối cùng -. Hướng dẫn chấm: - Phân tích đầy đủ, sâu sắc: 1,5 điểm. - Phân tích chưa đầy đủ hoặc chưa sâu: 0,75 điểm – 1,0 điểm. - Phân tích chung chung, sơ sài: 0,25 điểm – 0,5 điểm.	
		<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. Hướng dẫn chấm: Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.	0,5
		<i>e. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
I+II			10

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

TT	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kĩ năng	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết (Số câu)		Thông hiểu (Số câu)		Vận dụng (Số câu)		Vận dụng cao (Số câu)		
			TN KQ	TL	TN KQ	TL	TN KQ	TL	TN KQ	TL	
1	Đọc	Thơ Đường luật	4	0	3	1	0	1	0	1	60
2	Viết	Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội.	0	1*	0	1*	0	1*	0	1	40
Tỉ lệ điểm từng loại câu hỏi			20 %	10 %	15 %	25 %	0	20 %	0	10 %	100
Tỉ lệ điểm các mức độ nhận thức			30%		40%		20%		10%		
Tổng % điểm			70%				30%				

BẢN ĐẶC TẢ

TT	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức/Kĩ năng	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận Dụng	Vận dụng cao
1	1. Đọc hiểu	Văn bản thơ (tương đương thể thơ, đề tài với các văn bản ở Bài 2 trong SGK)	Nhận biết - Xác định vần của bài thơ / khổ thơ. - Nhận biết nhân vật trữ tình trong bài thơ. - Chỉ ra bố cục của bài thơ. - Nhận biết phép đối được sử dụng trong bài thơ. Thông hiểu - Giải nghĩa từ ngữ trong bài thơ. - Nêu chủ đề của bài thơ. - Nêu nội dung của một số câu thơ. - Nêu đặc điểm của nhân vật trữ tình trong bài thơ. Vận dụng: - Nhận xét về nội dung hoặc nghệ thuật của bài thơ. - Nêu được ý nghĩa hay tác động	4 câu TN	3 câu TN 01 câu TL	1 câu TL	1 câu TL

			của tác phẩm đối với quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ và tình cảm của người đọc. Vận dụng cao: - Vận dụng những hiểu biết về bối cảnh lịch sử – văn hoá được thể hiện trong văn bản để lí giải ý nghĩa, thông điệp của văn bản. - Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của thông điệp, chi tiết, hình tượng,... trong tác phẩm theo quan niệm của cá nhân.				
2	Viết	1. Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội.	Nhận biết: - Xác định được yêu cầu về nội dung và hình thức của bài văn nghị luận. - Mô tả được vấn đề xã hội và những dấu hiệu, biểu hiện của vấn đề xã hội trong bài viết. - Xác định rõ được mục đích, đối tượng nghị luận. Thông hiểu: - Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp. - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm. - Đảm bảo cấu trúc của một văn bản nghị luận; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Vận dụng: - Đánh giá được ý nghĩa, ảnh hưởng của vấn đề đối với con người, xã hội. - Nêu được những bài học, những đề nghị, khuyến nghị rút ra từ vấn đề bàn luận. Vận dụng cao: - Sử dụng kết hợp các phương thức miêu tả, biểu cảm,... để tăng sức thuyết phục cho bài viết. - Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết.	1*	1*	1*	1 câu TL

--	--	--	--	--	--	--	--